

Số: 05/2016/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công
với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

SỞ TƯ PHÁP T. TUYÊN QUANG

Ngày 01-04-2016

CÔNG VĂN ĐẾN số: 948

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng ngày 29/6/2005; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng ngày 21/6/2007; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng ngày 16/7/2012;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 118/TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở; Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 118/TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở; Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg ngày 03/02/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người hoạt động cách mạng từ trước cách mạng tháng Tám năm 1945 cải thiện nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 23/TTr-TNMT ngày 22/01/2016 về việc ban hành quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

Quyết định này Quy định việc miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng (thuộc các đối tượng quy định tại: Quyết định số 118/TTg ngày 27/02/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở; Quyết định số 117/2007/QĐ-TTg ngày 25/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 118/TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở và Điều 3 Quyết định số 20/2000/QĐ-TTg ngày 03/02/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ người hoạt động cách mạng từ trước cách mạng tháng Tám năm 1945 cải thiện nhà ở; Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số Điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng), có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

1. Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;
2. Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước ngày Tổng khởi nghĩa ngày 19 tháng 8 năm 1945;
3. Thân nhân liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp "Giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ" bao gồm:
 - a) Cha đẻ, mẹ đẻ;
 - b) Vợ hoặc chồng;
 - c) Con;
 - d) Người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ.
4. Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
5. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân;
6. Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
7. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

8. Bệnh binh;
9. Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;
10. Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;
11. Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;
12. Người có công giúp đỡ cách mạng.

Điều 2. Nguyên tắc miễn, giảm tiền sử dụng đất

1. Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng được thực hiện khi Nhà nước giao đất ở; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất khác sang đất ở hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng chỉ được thực hiện một lần và chỉ áp dụng đối với trường hợp chưa được Nhà nước giao đất ở; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất khác sang đất ở hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và chưa được miễn, giảm tiền sử dụng đất.

Diện tích được miễn, giảm tiền sử dụng đất tính theo diện tích đất ở được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc công nhận quyền sử dụng đất nhưng tối đa không vượt quá hạn mức giao đất ở cho một hộ gia đình, cá nhân theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất.

3. Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng đã được nhà nước giao đất ở; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất khác sang đất ở hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thuộc trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai mà đã nộp tiền sử dụng đất trước ngày quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm nộp tiền sử dụng đất.

4. Trường hợp một hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được hưởng nhiều mức miễn, giảm tiền sử dụng đất khác nhau thì được cộng các mức miễn, giảm nhưng tối đa không vượt mức miễn, giảm cao nhất.

5. Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thành viên thuộc diện được miễn, giảm tiền sử dụng đất thì được cộng các mức miễn, giảm của từng thành viên trong hộ thành mức hỗ trợ chung của cả hộ nhưng tối đa không vượt quá số tiền sử dụng đất phải nộp trong hạn mức giao đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm nộp đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất.

Điều 3. Miễn tiền sử dụng đất

1. Đối tượng miễn tiền sử dụng đất, gồm: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 81% trở lên; Thân nhân của liệt sĩ đang hưởng tiền tuất nuôi dưỡng hàng tháng.

2. Miễn tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất.

Điều 4. Giảm tiền sử dụng đất

1. Giảm 90% tiền sử dụng đất cho các đối tượng là: Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học (gồm: người mắc bệnh làm suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; vô sinh; sinh con dị dạng, dị tật); thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 61% đến 80%.

2. Giảm 80% tiền sử dụng đất cho các đối tượng là: Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước ngày Tổng khởi nghĩa ngày 19 tháng 8 năm 1945; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh, có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật, bệnh tật từ 41% đến 60%.

3. Giảm 70% tiền sử dụng đất cho các đối tượng là: Thân nhân của liệt sĩ quy định tại khoản 1 Điều 14 của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này); thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động do thương tật từ 21% đến 40%; người có công giúp đỡ cách mạng đang được hưởng trợ cấp hàng tháng; người có công giúp đỡ cách mạng được tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước"; người có công giúp đỡ cách mạng trong gia đình được tặng Kỷ niệm chương "Tổ quốc ghi công" hoặc Bằng "Có công với nước".

4. Giảm 65% tiền sử dụng đất cho các đối tượng là: Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng I hoặc Huân chương Chiến thắng hạng I.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất cho đối tượng là người có công với cách mạng theo đúng quy định của pháp luật, chính sách hiện hành của Nhà nước và tại Quyết định này.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện kiểm tra, xác minh việc miễn, giảm tiền sử dụng đất nơi người có công với cách mạng cư trú và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về các nội dung được ủy quyền. Nguyên tắc, trình tự, thủ tục, hồ sơ miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

2. Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Lao động, Thương binh và Xã hội; Cục Thuế tỉnh, các cơ quan liên quan: căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chủ động giải quyết các nội dung công việc thuộc thẩm quyền.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc vượt thẩm quyền giải quyết, các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2016.

2. Đối với những trường hợp thuộc đối tượng miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công với cách mạng đã có hồ sơ đề nghị miễn giảm từ ngày 01/7/2014 (Nghị định số 45/2014/NĐ-CP có hiệu lực) đến trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa được giải quyết thì được giải quyết theo Quyết định này.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường; (báo cáo)
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 7;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Các Phó VP UBND tỉnh;
- Phòng Tin học - Công báo;
- Trường phòng khối NCTH;
- Lưu VT, ĐC, TC (Tính)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Quang